|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2017/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2017* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004;*

*Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,*

*Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp bán hàng đa cấp, người tham gia bán hàng đa cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kinh doanh theo phương thức đa cấplà hoạt động kinh doanh sử dụng mạng lưới người tham gia gồm nhiều cấp, nhiều nhánh khác nhau, trong đó, người tham gia được hưởng hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác từ kết quả kinh doanh của mình và của những người trong mạng lưới cấp dưới.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp là doanh nghiệp tổ chức hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp để bán hàng hóa.

3. Người tham gia bán hàng đa cấp là cá nhân thực hiện các hoạt động tiếp thị, bán hàng và phát triển mạng lưới bán hàng đa cấp cho doanh nghiệp bán hàng đa cấp để được hưởng hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác từ kết quả kinh doanh của mình và của những người trong mạng lưới cấp dưới.

4. Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp là thỏa thuận về việc tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp giữa cá nhân và doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

5. Quy tắc hoạt động là bộ quy tắc của doanh nghiệp bán hàng đa cấp điều chỉnh hành vi của người tham gia bán hàng đa cấp, quy trình và thủ tục thực hiện các hoạt động bán hàng đa cấp.

6. Kế hoạch trả thưởng là kế hoạch được doanh nghiệp bán hàng đa cấp sử dụng để tính hoa hồng, tiền thưởng và các lợi ích kinh tế khác mà người tham gia bán hàng đa cấp được hưởng từ kết quả của hoạt động bán hàng.

7. Chương trình đào tạo cơ bản là chương trình đào tạo bắt buộc dành cho người tham gia bán hàng đa cấp.

8. Vị trí kinh doanh đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp là vị trí, mã số của người tham gia bán hàng đa cấp được sắp xếp trong mạng lưới để tính hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác chi trả cho người tham gia bán hàng đa cấp.

**Điều 4. Đối tượng kinh doanh theo phương thức đa cấp**

1. Hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp chỉ được thực hiện đối với hàng hóa. Mọi hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp với đối tượng không phải là hàng hóa đều bị cấm, trừ trường hợp được pháp luật cho phép.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến việc lưu hành và điều kiện kinh doanh hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp.

3. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp tự quyết định, công bố và chịu trách nhiệm tuân thủ giá bán của hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp.

4. Những [tài sản], hàng hóa sau không được kinh doanh theo phương thức đa cấp:

a) Hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, danh mục hàng hóa hạn chế kinh doanh, cấm lưu thông;

b) Hàng hóa là thuốc, trang thiết bị y tế, các loại thuốc thú y (bao gồm cả thuốc thú y thủy sản), thuốc bảo vệ thực vật, [phân bón], hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; các loại hóa chất nguy hiểm và sản phẩm có hóa chất nguy hiểm theo quy định của pháp luật;

[c) Sản phẩm nội dung số và tài sản được tạo ra trong các chương trình phần mềm máy tính].

**Điều 5. Những hành vi bị cấm trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp**

1. Cấm doanh nghiệp bán hàng đa cấp thực hiện những hành vi sau đây:

a) Yêu cầu phải đặt cọc hoặc nộp một khoản tiền nhất định dưới bất kỳ hình thức nào để trở thành người tham gia bán hàng đa cấp;

b) Yêu cầu phải mua một số lượng hàng hóa nhất định dưới bất kỳ hình thức nào để trở thành người tham gia bán hàng đa cấp;

c) Cho người tham gia bán hàng đa cấp nhận tiền hoặc lợi ích kinh tế khác từ việc giới thiệu người khác tham gia vào hoạt động bán hàng đa cấp mà không phải từ việc mua, bán hàng hóa của người được giới thiệu đó;

d) Từ chối chi trả không có lý do chính đáng các khoản hoa hồng, tiền thưởng hay lợi ích kinh tế khác mà người tham gia bán hàng đa cấp có quyền hưởng;

đ) Cản trở người tham gia bán hàng đa cấp trả lại hàng hóa theo quy định tại Điều 48 Nghị định này;

e) Cung cấp thông tin sai lệch về lợi ích của việc tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp;

g) Cung cấp thông tin sai lệch, gây nhầm lẫn về tính chất, công dụng của hàng hóa hoặc hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp trong tài liệu, hội nghị, hội thảo, đào tạo của doanh nghiệp;

h) Duy trì nhiều hơn một hợp đồng bán hàng đa cấp, vị trí kinh doanh đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với cùng một người tham gia bán hàng đa cấp;

i) Thực hiện chương trình khuyến mại sử dụng mô hình đa cấp;

k) Tổ chức các hoạt động trung gian thương mại phục vụ trực tiếp cho việc duy trì, mở rộng và phát triển mạng lưới bán hàng đa cấp.

2. Cấm người tham gia bán hàng đa cấp thực hiện những hành vi sau đây:

a) Yêu cầu người khác phải đặt cọc hoặc trả một khoản tiền nhất định dưới bất kỳ hình thức nào để được quyền tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp;

b) Cung cấp thông tin sai lệch hoặc gây nhầm lẫn về lợi ích của việc tham gia bán hàng đa cấp, tính chất, công dụng của hàng hóa, hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp;

c) Tổ chức hội thảo, hội nghị, đào tạo về kinh doanh theo phương thức đa cấp khi chưa được doanh nghiệp bán hàng đa cấp ủy quyền bằng văn bản;

d) Lôi kéo, dụ dỗ, mua chuộc người tham gia bán hàng đa cấp của doanh nghiệp khác tham gia vào mạng lưới của doanh nghiệp mà mình đang tham gia;

đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, địa vị xã hội, nghề nghiệp để yêu cầu người khác tham gia vào mạng lưới bán hàng đa cấp hoặc mua hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp;

e) Thực hiện hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương nơi doanh nghiệp chưa thông báo hoạt động.

3. Cấm tổ chức, cá nhân kinh doanh theo phương thức đa cấp khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Cấm mọi cá nhân tham gia vào hoạt động của tổ chức, cá nhân kinh doanh theo phương thức đa cấp chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Chương II**

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, CHẤM DỨT
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO PHƯƠNG THỨC ĐA CẤP**

**Điều 6. Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp**

Hoạt động bán hàng đa cấp phải được đăng ký theo quy định của Nghị định này.

**Điều 7. Điều kiện đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp**

1. Tổ chức đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

b) Thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, chủ sở hữu đối với doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có từ hai thành viên trở lên, cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là những cá nhân chưa từng giữ một trong các chức vụ nêu trên tại doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm đ, điểm h, điểm i Khoản 1 Điều 22 Nghị định này;

c) Ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam theo quy định tại Điều 51 Nghị định này;

d) Có mẫu hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, quy tắc hoạt động, kế hoạch trả thưởng, chương trình đào tạo cơ bản rõ ràng, minh bạch và phù hợp với quy định của Nghị định này;

đ) Có hệ thống công nghệ thông tin quản lý mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp;

e) Có trang thông tin điện tử để cung cấp thông tin về doanh nghiệp và hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp;

g) Có hệ thống thông tin liên lạc để tiếp nhận, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của người tham gia bán hàng đa cấp.

2. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

**Điều 8. Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp**

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải ký kết hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp bằng văn bản với người tham gia bán hàng đa cấp.

2. Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Tên doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, thông tin liên hệ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp;

b) Họ tên, ngày tháng năm sinh, hộ khẩu thường trú (hoặc đăng ký lưu trú đối với người nước ngoài), nơi đăng ký tạm trú, số điện thoại, số chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc số hộ chiếu đối với người nước ngoài của người tham gia bán hàng đa cấp; số giấy phép lao động trong trường hợp người tham gia bán hàng đa cấp là người nước ngoài; nơi ký kết hợp đồng;

c) Thông tin về danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp;

d) Thông tin về kế hoạch trả thưởng, quy tắc hoạt động;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên, đảm bảo tuân thủ các quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan;

e) Quy định thanh toán bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng đối với tiền mua hàng, tiền hoa hồng và tiền thưởng;

g) Quy định về việc mua lại hàng hóa;

h) Các trường hợp chấm dứt hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp và nghĩa vụ phát sinh kèm theo;

i) Cơ chế giải quyết tranh chấp hợp đồng.

3. Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp phải đáp ứng các điều kiện về hình thức sau:

a) Ngôn ngữ sử dụng bằng tiếng Việt, cỡ chữ ít nhất là 12.

b) Nền giấy và màu mực thể hiện nội dung hợp đồng phải tương phản nhau.

4. Chi nhánh của doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm lưu giữ 01 bản sao hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp ký với người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương.

**Điều 9. Quy tắc hoạt động**

Quy tắc hoạt động phải quy định rõ quy trình, thủ tục ký kết hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, đào tạo cơ bản, cấp thẻ thành viên, đặt hàng, thanh toán, giao nhận hàng, bảo hành (nếu có), đổi, trả, mua lại hàng hóa và trả lại tiền cho người tham gia bán hàng đa cấp.

**Điều 10. Kế hoạch trả thưởng**

Kế hoạch trả thưởng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Không quá 10 cấp, danh hiệu người tham gia bán hàng đa cấp.

2. Quy định rõ điều kiện đạt được, hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác chi trả từng cấp, danh hiệu người tham gia bán hàng đa cấp.

3. Giá trị hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác dành cho hoạt động trực tiếp tiếp thị, bán hàng của người tham gia bán hàng đa cấp không thấp hơn 50% tổng giá trị hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác của doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

**Điều 11. Chương trình đào tạo cơ bản**

Chương trình đào tạo cơ bản phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Nội dung đào tạo cơ bản bao gồm các nội dung sau:

a) Pháp luật về bán hàng đa cấp;

b) Các chuẩn mực đạo đức trong hoạt động bán hàng đa cấp;

c) Các nội dung cơ bản của hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, quy tắc hoạt động và kế hoạch trả thưởng.

2. Phương thức sát hạch việc hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản phù hợp với nội dung đào tạo.

3. Thời lượng đào tạo tối thiểu là 08 giờ.

4. Nội dung xác nhận bằng văn bản về việc hoàn thành nội dung và thời lượng chương trình đào tạo.

**Điều 12. Hệ thống công nghệ thông tin quản lý mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp**

1. Hệ thống công nghệ thông tin quản lý mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp của doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải được vận hành trên máy chủ đặt tại Việt Nam.

2. Hệ thống công nghệ thông tin quản lý mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp phải cung cấp cho người tham gia bán hàng đa cấp các thông tin cơ bản sau:

a) Thông tin cơ bản về người tham gia bán hàng đa cấp, bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh, hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú, số điện thoại, số chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc số hộ chiếu đối với người nước ngoài của người tham gia bán hàng đa cấp; số giấy phép lao động trong trường hợp người tham gia bán hàng đa cấp là người nước ngoài; số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp;

b) Thông tin về mã số, vị trí, cấp của người tham gia bán hàng đa cấp, tuyến trên, hệ thống tuyến dưới của người tham gia bán hàng đa cấp;

c) Thông tin về lịch sử mua hàng của người tham gia bán hàng đa cấp và khách hàng do người tham gia bán hàng đa cấp đó giới thiệu;

d) Thông tin về lịch sử nhận hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác của người tham gia bán hàng đa cấp.

**Điều 13. Trang thông tin điện tử của doanh nghiệp bán hàng đa cấp**

1. Trang thông tin điện tử của doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Các tài liệu về hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp, bao gồm giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, mẫu hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, quy tắc hoạt động, kế hoạch trả thưởng, chương trình đào tạo cơ bản và các văn bản, tài liệu cần thiết khác;

b) Thông tin về hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp, bao gồm tên gọi, giá bán, thành phần, công dụng, cách thức sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn sản phẩm (nếu có);

c) Thông tin về đăng ký doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

d) Các quy trình, thủ tục về ký kết hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, đào tạo cơ bản cho người tham gia bán hàng đa cấp, cấp Thẻ thành viên, đặt hàng, thanh toán, giao nhận hàng, mua lại hàng và trả lại tiền, giải quyết khiếu nại của nhà phân phối, chấm dứt và thanh lý hợp đồng;

đ) Quy trình, địa điểm bảo hành, đổi, trả sản phẩm và dịch vụ hậu mãi (nếu có);

e) Thông tin liên lạc để tiếp nhận, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của người tham gia bán hàng đa cấp;

g) Thông tin về hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp, bao gồm: doanh thu, số lượng người tham gia bán hàng đa cấp, thu nhập cao nhất, trung bình, thấp nhất của người tham gia bán hàng đa cấp, địa bàn hoạt động;

h) Việc xử lý vi phạm, chấm dứt hợp đồng và thu hồi hiệu lực thẻ thành viên đối với người tham gia bán hàng đa cấp;

i) Các chương trình khuyến mại của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật khác có liên quan khi vận hành trang thông tin điện tử.

**Điều 14. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp**

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp có hiệu lực trong thời gian 5 năm kể từ ngày cấp.

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp được lập thành 2 bản chính, 1 bản giao cho doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp và 1 bản lưu tại cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

**Điều 15. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp**

Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo mẫu M-01 ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bản sao có đóng dấu sao y bản chính giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệphoặc giấy chứng nhận đầu tư.

3. Danh sách và bản sao có đóng dấu sao y bản chính của doanh nghiệp đối với giấy tờ chứng thực cá nhân hợp lệ (chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam; hộ chiếu và giấy đăng ký tạm trú do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam; hộ chiếu đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam) của những người nêu tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

4. 02 (hai) bộ tài liệu liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp, bao gồm:

a) Mẫu hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp;

b) Kế hoạch trả thưởng;

c) Chương trình đào tạo cơ bản;

d) Quy tắc hoạt động.

5. Danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp của doanh nghiệp, bao gồm các thông tin: tên, chủng loại, xuất xứ, quy cách đóng gói, giá bán và số điểm thưởng quy đổi.

6. Bản chính văn bản xác nhận ký quỹ.

7. Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có hệ thống công nghệ thông tin quản lý mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp đáp ứng quy định tại Điều 12 Nghị định này.

8. Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có trang thông tin điện tử đáp ứng quy định tại Điều 13 Nghị định này.

9. Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có hệ thống thông tin liên lạc để tiếp nhận, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của người tham gia bán hàng đa cấp đáp ứng quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

**Điều 16. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp**

1. Tiếp nhận hồ sơ

a) Doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp nộp 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại Điều 15 Nghị định này (kèm theo bản sao định dạng Word hoặc PDF lưu trong USB) đến Bộ Công Thương. Hồ sơ có thể được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản để doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp sửa đổi, bổ sung hồ sơ;

c) Trường hợp doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ Công Thương ban hành văn bản thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Bộ Công Thương gửi trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp.

2. Thẩm định hồ sơ

a) Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Công Thương thông báo cho doanh nghiệp nộp phí thẩm định;

b) Bộ Công Thương thẩm định hồ sơ và ban hành văn bản thẩm định trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phí thẩm định;

c) Nội dung thẩm định:

- Xác nhận bằng văn bản với ngân hàng nơi doanh nghiệp ký quỹ về tính xác thực của văn bản xác nhận ký quỹ;

- Thẩm định nội dung các tài liệu liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp, đảm bảo phù hợp với các quy định của Nghị định này.

3. Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

Trường hợp hồ sơ của doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Nghị định này, Bộ Công Thương cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo mẫu M-02 ban hành kèm theo Nghị định này và giao lại cho doanh nghiệp 01 (một) bản các tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này có đóng dấu treo hoặc dấu giáp lai của Bộ Công Thương.

Trường hợp hồ sơ của doanh nghiệp chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định này, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ không quá 30 ngày.

Trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đúng thời hạn hoặc hồ sơ của doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Nghị định này , Bộ Công Thương thông báo trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do trả lại hồ sơ.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, Bộ Công Thương có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương, thông báo cho ngân hàng nơi doanh nghiệp ký quỹ và cung cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp kèm theo bản sao các tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này cho các Sở Công Thương trên toàn quốc bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi qua bưu điện;

b) Thư điện tử;

c) Hệ thống thông tin quản lý bán hàng đa cấp của Bộ Công Thương.

**Điều 17. Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp**

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thực hiện thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp có thay đổi thông tin liên quan đến doanh nghiệp, bao gồm người đại diện theo pháp luật, địa chỉ của doanh nghiệp, **cổ đông sáng lập**, thành viên chủ sở hữu, thông tin trên văn bản xác nhận ký quỹ, doanh nghiệp thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có thay đổi;

b) Trường hợp có thay đổi liên quan đến các điều khoản trong hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, nội dung quy tắc hoạt động, kế hoạch trả thưởng, chương trình đào tạo cơ bản, doanh nghiệp thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trước khi áp dụng.

2. Trong trường hợp có thay đổi thông tin tại danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Bộ Công Thương trước khi áp dụng.

**Điều 18. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp**

1. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo mẫu M-03 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp đã được Bộ Công Thương cấp;

c) Các tài liệu quy định tại Điều 15 Nghị định này liên quan đến những nội dung sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

2. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục thông báo thay đổi danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp

a) Doanh nghiệp nộp 01 (một) văn bản thông báo thay đổi thông tin danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp trong đó nêu rõ các nội dung thay đổi kèm theo 01 bản danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp đã thay đổi đến Bộ Công Thương. Thông báo có thể được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện;

b) Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung, Bộ Công Thương ban hành thông báo sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Doanh nghiệp được phép áp dụng danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp nếu Bộ Công Thương không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

c) Bộ Công Thương có trách nhiệm thông báo cho các Sở Công Thương trên toàn quốc bằng một trong các phương thức quy định tại Khoản 4 Điều 16 Nghị định này về việc doanh nghiệp thông báo thay đổi danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp.

**Điều 19. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp**

1. Trong trường hợp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy, doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp ngay sau khi phát sinh sự kiện.

2. Doanh nghiệp nộp đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hợp lệ, Bộ Công Thương cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp cho doanh nghiệp.

**Điều 20. Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp**

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp được gia hạn nhiều lần, mỗi lần có thời hạn 5 năm.

2. Trước khi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hiệu lực 3 tháng, doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải thực hiện thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

3. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp được gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trong trường hợp đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 7 Nghị định này.

4. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo mẫu M-04 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các tài liệu quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị định này;

c) Các tài liệu quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 15 Nghị định này trong trường hợp có thay đổi so với lần sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp gần nhất;

d) Báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh và việc chấp hành các quy định của pháp luật trong 05 (năm) năm kể từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

5. Trình tự, thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

**Điều 21. Phí quản lý hoạt động bán hàng đa cấp**

1. Phí quản lý hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm các khoản phí cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

2. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quản lý hoạt động bán hàng đa cấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 22. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp**

1. Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trong những trường hợp sau đây:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư bị thu hồi hoặc hết hiệu lực;

b) Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp có thông tin gian dối;

c) Doanh nghiệp bị xử phạt về một trong số các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định này trong quá trình tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật;

d) Doanh nghiệp không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 7 Nghị định này trong quá trình hoạt động bán hàng đa cấp;

đ) Doanh nghiệp kinh doanh theo phương thức đa cấp đối với đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 4 Nghị định này;

e) Doanh nghiệp giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp không cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp đó bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hiệu lực kể từ ngày quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp có hiệu lực pháp luật.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp có hiệu lực pháp luật, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp:

a) Bộ Công Thương ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, Bộ Công Thương có trách nhiệm thông báo cho các Sở Công Thương trên toàn quốc theo một trong các phương thức quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định này và công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

**Điều 23. Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp**

1. Các trường hợp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

a) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hiệu lực;

b) Doanh nghiệp tự nguyện chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp;

c) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi.

2. Khi chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có nghĩa vụ sau đây:

a) Thông báo bằng văn bản tới Bộ Công Thương, niêm yết công khai tại trụ sở chính và công bố trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp;

b) Giải quyết quyền lợi của người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

c) Hoàn thành các nghĩa vụ theo quyết định xử lý vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp của cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 24. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp**

1. Trường hợp doanh nghiệp tự nguyện chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

a) Hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm:

- Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp theo mẫu M-05 ban hành kèm theo Nghị định này;

- Bản chính giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;

- Quyết định về việc chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp của chủ sở hữu công ty nếu là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; quyết định và biên bản họp về việc chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp của hội đồng thành viên nếu là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của đại hội đồng cổ đông nếu là công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh nếu là công ty hợp danh.

- 03 (ba) số báo liên tiếp của một tờ báo trung ương mà doanh nghiệp đã đăng tải thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp.

b) Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp trực tiếp tới Bộ Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện;

- Doanh nghiệp niêm yết công khai Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, trang thông tin điện tử của doanh nghiệp;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp hợp lệ, Bộ Công Thương ban hành văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp, thông báo cho các Sở Công Thương trên toàn quốc theo một trong các phương thức quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định này và công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương;

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Bộ Công Thương ban hành văn bản xác nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ đối với người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp do giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hạn hoặc bị thu hồi:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hạn (mà không được gia hạn) hoặc bị thu hồi, doanh nghiệp có trách nhiệm:

- Nộp thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp trực tiếp tới Bộ Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện;

- Niêm yết công khai thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, trang thông tin điện tử của doanh nghiệp;

- Đăng tải thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp trên một tờ báo trung ương trong 03 (ba) số báo liên tiếp.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp hợp lệ, Bộ Công Thương ban hành văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp, thông báo cho các Sở Công Thương trên toàn quốc theo một trong các phương thức quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định này và công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

c) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Bộ Công Thương ban hành văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ đối với người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật.

**Điều 25. Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương**

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải thực hiện thủ tục đăng ký tại Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chỉ được phép tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp sau khi có xác nhận đăng ký bán hàng đa cấp bằng văn bản của Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

2. Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương, doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải chỉ định một cá nhân cư trú tại địa phương làm người đại diện tại địa phương để chịu trách nhiệm đối với hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp và thay mặt doanh nghiệp làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đó.

3. Các trường hợp được coi là có hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:

a) Có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên địa bàn;

b) Có hoạt động hội nghị, hội thảo, đào tạo;

c) Có hoạt động ký kết hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, hoạt động bán hàng (xuất hóa đơn và/hoặc giao nhận hàng trực tiếp) trên địa bàn;

d) Có người tham gia cư trú trên địa bàn;

đ) Có người tham gia thực hiện hoạt động tiếp thị, bán hàng trên địa bàn.

4. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm lưu trữ, xuất trình hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

**Điều 26. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương**

1. Hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm:

a) Đơn đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo mẫu M-06 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giấy chứng nhận đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương (nếu có);

c) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;

d) Bản sao các tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này;

đ) Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương nơi doanh nghiệp không có trụ sở chính hoặc văn bản ủy quyền cho người đại diện tại địa phương kèm theo bản sao chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện tại địa phương nơi doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trực tiếp tại Sở Công Thương nơi doanh nghiệp dự kiến hoạt động hoặc gửi qua đường bưu điện.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương thông báo cho doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương ban hành thông báo. Sở Công Thương trả lại hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn nêu trên.

Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương gửi cho doanh nghiệp văn bản xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo mẫu M-07 ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương, Sở Công Thương có trách nhiệm gửi bản sao văn bản xác nhận đến Bộ Công Thương bằng một trong các cách thức quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định này.

**Điều 27. Thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương**

1. Trong quá trình hoạt động bán hàng đa cấp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương tới Sở Công Thương khi có thay đổi thông tin liên quan đến:

- Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương (nếu có);

- Người đại diện tại địa phương.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp có trách nhiệm gửi thông báo theo mẫu M-08 ban hành kèm theo Nghị định này và tài liệu quy định tại điểm b, điểm đ Khoản 1 Điều 26 Nghị định này liên quan đến nội dung sửa đổi, bổ sung trực tiếp tới Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương ban hành thông báo sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Hồ sơ sửa đổi bổ sung thông báo hoạt động bán hàng đa cấp được coi là đã được Sở Công Thương chấp thuận nếu không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung của Sở Công Thương trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được thông báo.

4. Sở Công Thương có trách nhiệm thông báo với Bộ Công Thương bằng một trong các phương thức quy định tại Khoản 4 Điều 16 Nghị định này về việc doanh nghiệp thông báo thay đổi hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.

**Điều 28. Thu hồi xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương**

1. Sở Công Thương có quyền thu hồi xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trong trường hợp:

a) Hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương có thông tin gian dối;

b) Doanh nghiệp không triển khai hoạt động bán hàng đa cấp trong thời hạn 06 tháng liên tục kể từ ngày được cấp xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương;

c) Doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;

d) Không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực;

đ) Không tuân thủ các trách nhiệm quy định tại Khoản 11 và Khoản 12 Điều 44 Nghị định này.

2. Xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hiệu lực kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực pháp luật.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực pháp luật, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo quy định tại Điều 31 Nghị định này.

4. Sở Công Thương không cấp xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương cho doanh nghiệp bán hàng đa cấp trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ khi thu hồi.

**Điều 29. Trình tự, thủ tục thu hồi xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương**

1. Sở Công Thương ban hành quyết định thu hồi xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương, Sở Công Thương có trách nhiệm thông báo đến Bộ Công Thương theo một trong các phương thức quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định này và công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Công Thương.

**Điều 30. Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương**

1. Các trường hợp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:

a) Doanh nghiệp bị thu hồi xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương;

b) Doanh nghiệp tự nguyện chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.

2. Khi chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm sau đây:

a) Thông báo bằng văn bản tới Sở Công Thương, niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương (nếu có), công bố trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp;

b) Giải quyết quyền lợi của người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

c) Hoàn thành các nghĩa vụ theo quyết định xử lý vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

**Điều 31. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương**

1. Trường hợp doanh nghiệp tự nguyện chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:

a) Hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương bao gồm:

- Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo mẫu M-09 ban hành kèm theo Nghị định này;

- 03 (ba) số báo liên tiếp của một tờ báo tại địa phương mà doanh nghiệp đã đăng tải thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.

b) Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trực tiếp tới Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện;

- Doanh nghiệp niêm yết công khai thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương và công bố trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp hợp lệ, Sở Công Thương ban hành văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương, thông báo cho Bộ Công Thương theo một trong các phương thức quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định này và công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Công Thương;

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương có hiệu lực pháp luật, doanh nghiệp ó trách nhiệm:

- Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo mẫu M-09 ban hành kèm theo Nghị định này;

- Niêm yết công khai thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương (nếu có) và thông báo trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp;

- Đăng tải thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trên một tờ báo địa phương trong 03 (ba) số báo liên tiếp.

**Điều 32. Thông báo tổ chức hoạt động hội nghị, hội thảo, đào tạo**

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp chỉ được phép tổ chức hoạt động hội nghị, hội thảo, đào tạo tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp có trụ sở chính, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.

2. Mọi hoạt động hội nghị, hội thảo, đào tạo của doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải thông báo tới Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước khi thực hiện.

3. Doanh nghiệp được phép tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo nếu không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung của Sở Công Thương trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được thông báo.

4. Sở Công Thương có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động hội nghị, hội thảo, đào tạo của doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

5. Doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng trong quá trình thực hiện trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tổ chức hoạt động hội nghị, hội thảo, đào tạo của doanh nghiệp bán hàng đa cấp, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp hội nghị, hội thảo, chương trình đào tạo có quy mô từ 200 người trở lên, doanh nghiệp phải gửi giấy mời Sở Công Thương tham dự. Sở Công Thương có trách nhiệm cử đại diện tham dự trong trường hợp này..

**Điều 33. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo**

1. Hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo bao gồm:

a) Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo theo mẫu M-10 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nội dung, tài liệu, số lượng người tham gia dự kiến;

d) Danh sách báo cáo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo;

đ) Bản sao Chứng chỉ đào tạo viên trong trường hợp đào tạo cơ bản;

e) Văn bản ủy quyền trong trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho cá nhân thực hiện đào tạo hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo;

2. Doanh nghiệp có thể thông báo về việc tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, đào tạo trong cùng một văn bản thông báo.

3. Doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo trực tiếp tại Sở Công Thương nơi doanh nghiệp dự kiến tổ chức các hoạt động đó hoặc gửi qua đường bưu điện.

4. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương ban hành văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Doanh nghiệp được phép tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo nếu không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung của Sở Công Thương trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được thông báo.

5. Khi có thay đổi thông tin trong hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản tới Sở Công Thương trước khi tổ chức.

6. Trường hợp đã thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo với Sở Công Thương nhưng không thực hiện, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản tới Sở Công Thương trước ngày dự kiến tổ chức trong hồ sơ thông báo.

**Chương III**

**TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO VÀ QUẢN LÝ NGƯỜI**

**THAM GIA BÁN HÀNG ĐA CẤP**

**Điều 34. Điều kiện đối với người tham gia bán hàng đa cấp**

1. Người tham gia bán hàng đa cấp là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

2. Những trường hợp sau không được tham gia bán hàng đa cấp:

a) Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc có tiền án về các tội sản xuất, buôn bán hàng giả, quảng cáo gian dối, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng, các tội về lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chiếm giữ trái phép tài sản;

b) Người nước ngoài không có Giấy phép lao động tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền cấp;

c) Người tham gia bán hàng đa cấp đã từng bị xử phạt do không tuân thủ các quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

3. Trường hợp cá nhân thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này cung cấp thông tin không trung thực để tham gia bán hàng đa cấp, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có quyền chấm dứt hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp và cá nhân đó phải trả lại toàn bộ hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác đã được nhận từ doanh nghiệp.

**Điều 35. Đào tạo cơ bản cho người tham gia bán hàng đa cấp**

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm đào tạo người tham gia bán hàng đa cấp theo chương trình đào tạo cơ bản đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền trước khi cấp Thẻ thành viên và không được thu phí dưới bất kỳ hình thức nào.

2. Người tham gia bán hàng đa cấp có trách nhiệm tham gia và nắm bắt đầy đủ các nội dung của chương trình đào tạo cơ bản.

3. Chỉ những người được doanh nghiệp bán hàng đa cấp chỉ định làm Đào tạo viên mới được thực hiện đào tạo cơ bản cho người tham gia bán hàng đa cấp của doanh nghiệp đó.

4. Chương trình đào tạo cơ bản có thể được thực hiện thông qua các phương thức sau:

a) Đào tạo trực tiếp;

b) Đào tạo trực tuyến.

5. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm xây dựng cơ chế để đánh giá mức độ hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản của người tham gia bán hàng đa cấp.

6. Chỉ những người đáp ứng mức độ hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản mới được cấp Thẻ thành viên.

7. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm lưu giữ các tài liệu liên quan đến hoạt động đào tạo cơ bản cho người tham gia bán hàng đa cấp, bao gồm thời gian, cách thức, địa điểm (nếu có) và kết quả đào tạo.

**Điều 36. Thẻ thành viên**

1. Người tham gia bán hàng đa cấp chỉ được thực hiện hoạt động bán hàng đa cấp sau khi được cấp Thẻ thành viên.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm cấp miễn phí Thẻ thành viên cho người tham gia bán hàng đa cấp.

3. Thẻ thành viên bao gồm các nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp;
2. Thông tin liên hệ của doanh nghiệp;
3. Ảnh người tham gia bán hàng đa cấp;

d) Thông tin của người tham gia bán hàng đa cấp, bao gồm: tên, chứng minh thư, mã số thành viên hoặc số thẻ, ngày cấp thẻ, nơi cấp thẻ;

đ) Thông tin về thời gian, địa điểm tham gia chương trình đào tạo cơ bản.

4. Thẻ thành viên hết hiệu lực khi hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp giữa doanh nghiệp bán hàng đa cấp và người tham gia bán hàng đa cấp chấm dứt.

5. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm công bố công khai việc chấm dứt hiệu lực của Thẻ thành viên trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

**Điều 37. Đào tạo viên**

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm chỉ định Đào tạo viên để thực hiện đào tạo cơ bản cho người tham gia bán hàng đa cấp của doanh nghiệp mình.

2. Điều kiện đối với Đào tạo viên:

a) Là cá nhân có quốc tịch Việt Nam;

b) Có bằng đại học chuyên ngành luật hoặc kinh tế;

c) Đã được đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp và được cấp xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp theo quy định của Nghị định này;

d) Có hợp đồng lao động hoặc hợp đồng đào tạo với doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

3. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm lập danh sách Đào tạo viên, lưu giữ hồ sơ kèm theo, công bố danh sách Đào tạo viên trên trang thông tin điện tử và thông báo tới Bộ Công Thương.

4. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thông báo tới Bộ Công Thương trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi có thay đổi trong danh sách Đào tạo viên.

5. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hoạt động của Đào tạo viên trong quá trình thực hiện đào tạo cơ bản.

**Điều 38. Đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp**

1. Chỉ những cơ sở được Bộ Công Thương công nhận mới được phép thực hiện đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp.

2. Nội dung đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp bao gồm:

a) Quy định của pháp luật điều chỉnh hoạt động bán hàng đa cấp, pháp luật về quảng cáo, pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng;

b) Các chuẩn mực đạo đức trong hoạt động bán hàng đa cấp.

3. Chỉ những cá nhân được doanh nghiệp bán hàng đa cấp cử mới được tham gia khóa đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp.

**Điều 39. Cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp**

1. Bộ Công Thương căn cứ nhu cầu đào tạo thực tế và hồ sơ của cơ sở đào tạo để xem xét công nhận cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp.

2. Điều kiện để được công nhận là cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp:

a) Có cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ hoạt động đào tạo;

b) Có chức năng, kinh nghiệm đào tạo phù hợp;

c) Giảng viên phải có trình độ từ đại học trở lên chuyên ngành luật hoặc kinh tế, trong đó có ít nhất 2 giảng viên thuộc biên chế cố định của cơ sở đào tạo;

d) Có bộ máy quản lý đào tạo đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và nghiệp vụ để tổ chức đào tạo.

**Điều 40. Hồ sơ, trình tự, thủ tục công nhận cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp**

1. Cơ sở đào tạo đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 39 Nghị định này, lập hồ sơ gửi Bộ Công Thương. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Đơn đề nghị được công nhận là cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập cơ sở đào tạo;

c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, bộ máy quản lý đào tạo, đội ngũ giảng viên theo quy định tại Điều 39 Nghị định này;

d) Bộ tài liệu đào tạo;

đ) Quy chế đào tạo và cấp chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp.

2. Trình tự, thủ tục công nhận cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký của cơ sở đào tạo, Bộ Công Thương xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu cơ sở đào tạo bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ, Bộ Công Thương tổ chức thẩm định hồ sơ của cơ sở đào tạo theo nội dung quy định tại Điều x Nghị định này và ban hành quyết định công nhận cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp.

3. Quyết định công nhận cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp có thời hạn hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

**Điều 41. Hoạt động của cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp**

1. Tổ chức đào tạo:

a) Cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp tự thực hiện tuyển sinh và gửi văn bản đến Bộ Công Thương trước ngày khai giảng bảy (07) ngày làm việc, thông tin về địa điểm, thời gian, số lượng học viên, giảng viên tham gia khóa đào tạo. Trường hợp có thay đổi kế hoạch, Cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp phải thông báo kịp thời về Bộ Công Thương;

b) Cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp tiến hành đào tạo theo đúng nội dung, chương trình đã đăng ký và cấp chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp theo mẫu M-11 ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp có trách nhiệm cáo Bộ Công Thương bằng văn bản về quá trình đào tạo tại cơ sở trong thời hạn 10 ngày sau khi tổ chức xong khóa đào tạo.

2. Lưu trữ hồ sơ:

Cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ các khóa đào tạo theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Hồ sơ lưu trữ gồm:

a) Hồ sơ nhập học của học viên, danh sách học viên được cấp giấy chứng nhận đã qua khóa đào tạo của từng khóa học;

b) Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy cho mỗi khóa học;

c) Hồ sơ quản lý việc cấp chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp.

3. Kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp:

a) Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, cơ sở đào tạo có trách nhiệm gửi báo cáo tổng kết hoạt động đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp của năm trước đó (bao gồm kết quả đào tạo, kiểm tra và cấp chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp) tới Bộ Công Thương;

b) Bộ Công Thương thực hiện kiểm tra việc đào tạo và cấp chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp của các cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp. Căn cứ trên kết quả kiểm tra, tùy theo mức độ sai phạm, Bộ Công Thương có thể yêu cầu cơ sở đào tạo khắc phục sai phạm, đình chỉ hoặc thu hồi quyết định công nhận cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp trong trường hợp cơ sở đào tạo không khắc phục được sai phạm trong thời gian đình chỉ hoặc các sai phạm không thể khắc phục được.

**Điều 42. Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp**

1. Người có chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp và đóng lệ phí theo quy định được đăng ký tham gia kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp do Bộ Công Thương tổ chức.

2. Bộ Công Thương cấp xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp cho những người đạt kết quả trong kỳ kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp.

3. Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp có hiệu lực 03 năm.

**Điều 43. Trình tự, thủ tục cấp xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp**

1. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra, xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp đến Bộ Công Thương trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp;

b) Danh sách những người được đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, bao gồm các thông tin: họ tên, giới tính, ngày sinh, số, ngày cấp, nơi cấp chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân;

c) 02 ảnh kích thước 3x4cm;

d) Bản sao chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp.

2. Bộ Công Thương tổ chức kiểm tra và cấp xác nhận cho những người đạt yêu cầu theo quy chế do Bộ Công Thương ban hành.

3. Bộ Công Thương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Hồ sơ lưu trữ gồm:

a) Danh sách người tham dự kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kết quả kiểm tra;

b) Danh sách người được cấp xác nhận.

**Chương IV**

**HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP**

**Điều 44. Trách nhiệm của doanh nghiệp bán hàng đa cấp**

1. Niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp các tài liệu liên quan tới hoạt động và hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp của doanh nghiệp.

2. Thực hiện đúng quy tắc hoạt động, kế hoạch trả thưởng đã đăng ký.

3. Xây dựng, công bố giá bán của các hàng hóa được kinh doanh theo phương thức đa cấp và tuân thủ giá bán đã công bố.

4. Thực hiện thu tiền bán hàng và chi trả hoa hồng, tiền thưởng bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng.

5. Xuất hóa đơn bán hàng theo từng giao dịch bán hàng cho từng người tham gia bán hàng đa cấp, khách hàng của doanh nghiệp.

6. Giám sát hoạt động của người tham gia bán hàng đa cấp để bảo đảm người tham gia bán hàng đa cấp thực hiện đúng Quy tắc hoạt động, kế hoạch trả thưởng của doanh nghiệp.

7. Chịu trách nhiệm đối với hoạt động bán hàng đa cấp của người tham gia bán hàng đa cấp trong trường hợp các hoạt động đó được thực hiện tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc tại các hoạt động hội nghị, hội thảo, đào tạo của doanh nghiệp.

8. Khấu trừ tiền thuế thu nhập cá nhân của người tham gia bán hàng đa cấp để nộp vào ngân sách Nhà nước trước khi chi trả hoa hồng, tiền thưởng hoặc lợi ích kinh tế khác cho người tham gia bán hàng đa cấp.

9. Cập nhật thường xuyên các nội dung cơ bản của trang thông tin điện tử của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

10. Vận hành ổn định hệ thống công nghệ thông tin quản lý hoạt động bán hàng đa cấp, đảm bảo người tham gia bán hàng đa cấp có thể truy cập và truy xuất các thông tin cơ bản về hoạt động bán hàng đa cấp của họ.

11. Cung cấp quyền truy cập vào hệ thống công nghệ thông tin quản lý hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

12. Chấp hành các quyết định thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền trong quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

13. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 45. Trách nhiệm của người tham gia bán hàng đa cấp**

1. Xuất trình Thẻ thành viên trước khi giới thiệu hoặc tiếp thị bán hàng.

2. Tuân thủ quy tắc hoạt động, kế hoạch trả thưởng của doanh nghiệp.

3. Cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực khi giới thiệu về doanh nghiệp bán hàng đa cấp, hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp, kế hoạch trả thưởng và quy tắc hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

4. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 46. Chấm dứt hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp**

1. Người tham gia bán hàng đa cấp có quyền chấm dứt hợp đồng tham gia bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bán hàng đa cấp trước khi chấm dứt hợp đồng tối thiểu là 10 ngày làm việc.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có quyền chấm dứt hợp đồng với người tham gia bán hàng đa cấp khi người tham gia bán hàng đa cấp bị xử phạt do không tuân thủ các quy định tại Điều 45 Nghị định này.

3. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm chấm dứt hợp đồng với người tham gia bán hàng đa cấp khi người tham gia bán hàng đa cấp bị xử phạt do không tuân thủ các quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày hợp đồng chấm dứt, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thanh toán cho người tham gia bán hàng đa cấp tiền hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác mà người tham gia bán hàng đa cấp có quyền nhận trong quá trình tham gia vào mạng lưới bán hàng đa cấp.

**Điều 47. Quy định về giao, nhận hàng hóa**

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm giao hàng cho người tham gia bán hàng đa cấp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người tham gia bán hàng đa cấp thanh toán tiền mua hàng. Trường hợp doanh nghiệp bán hàng đa cấp không giao hàng trong thời hạn nêu trên, người tham gia bán hàng đa cấp có quyền hủy giao dịch và yêu cầu doanh nghiệp bán hàng đa cấp hoàn trả toàn bộ số tiền đã thanh toán.

2. Người tham gia bán hàng đa cấp có trách nhiệm nhận hàng từ doanh nghiệp bán hàng đa cấp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán tiền mua hàng. Trường hợp người tham gia bán hàng đa cấp không nhận hàng trong thời hạn nêu trên, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm hủy giao dịch và hoàn trả toàn bộ số tiền cho người tham gia bán hàng đa cấp.

3. Trường hợp không thực hiện quyền quy định tại khoản 1 Điều này, người tham gia bán hàng đa cấp không được quyền trả lại hàng hóa quy định tại Điều 48 Nghị định này.

**Điều 48. Mua lại hàng hóa từ người tham gia bán hàng đa cấp**

1. Người tham gia bán hàng đa cấp có quyền trả lại hàng hóa đã mua từ doanh nghiệp bán hàng đa cấp, bao gồm cả hàng hóa được mua theo chương trình khuyến mại, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hàng.

2. Hàng hóa trả lại phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Hàng hóa còn hạn sử dụng;

b) Hàng hóa còn nguyên bao bì, tem, nhãn.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người tham gia bán hàng đa cấp có yêu cầu trả lại hàng hóa hợp lệ, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm mua lại các hàng hóa đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này và hoàn trả 90% số tiền mà người tham gia bán hàng đa cấp đã trả để nhận số hàng hóa đó.

4. Khi hoàn lại tiền theo quy định tại Khoản 3 Điều này, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có thể khấu trừ tiền hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác mà người tham gia bán hàng đa cấp đã nhận từ việc mua số hàng hóa bị trả lại đó.

5. Những người tham gia bán hàng đa cấp khác có trách nhiệm hoàn lại cho doanh nghiệp bán hàng đa cấp các khoản hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế đã nhận phát sinh từ số hàng hóa bị trả lại đó.

6. Sau khi hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp chấm dứt, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm mua lại hàng hóa đã bán cho người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

7. Việc doanh nghiệp không thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều này được coi là cản trở người tham gia bán hàng đa cấp trả lại hàng hóa.

**Điều 49. Quy định về trả hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác**

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải trả hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác cho người tham gia bán hàng đa cấp theo kế hoạch trả thưởng đã được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.

2. Tổng trị giá hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác, bao gồm cả lợi ích được hưởng theo chương trình khuyến mại, trả cho người tham gia bán hàng đa cấp trong một năm quy đổi thành tiền không được vượt quá 40% doanh thu bán hàng đa cấp trong năm đó của doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

3. Doanh thu bán hàng đa cấp là doanh thu từ hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

4.Doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải thanh toán hoa hồng, tiền thưởng cho người tham gia bán hàng đa cấp thông qua chuyển khoản.

**Điều 50. Báo cáo của doanh nghiệp bán hàng đa cấp**

1. Định kỳ 6 tháng, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm báo cáo với Bộ Công Thương, Sở Công Thương nơi doanh nghiệp có hoạt động bán hàng đa cấp về hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp.

2. Báo cáo 06 tháng đầu năm phải được nộp trước ngày 01 tháng 8 hàng năm.

a) Báo cáo 06 tháng đầu năm gửi Bộ Công Thương bao gồm nội dung theo mẫu M-12 ban hành kèm theo Nghị định này và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm tài chính liền trước.

b) Báo cáo 06 tháng đầu năm gửi Sở Công Thương bao gồm nội dung theo mẫu M-13 ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Báo cáo định kỳ năm phải được nộp trước ngày 01 tháng 02 hàng năm cho Bộ Công Thương theo mẫu M-12 và Sở Công Thương theo mẫu M-13 ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trong trường hợp cần thiết, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

**Chương V**

**KÝ QUỸ**

**Điều 51. Tiền ký quỹ**

1. Tiền ký quỹ là khoản tiền đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp trong các trường hợp quy định tại Điều 54 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải ký quỹ một khoản tiền tương đương 5% vốn điều lệ nhưng không thấp hơn 10 tỷ đồng (mười tỷ đồng) tại một ngân hàng thương mại trong lãnh thổ Việt Nam.

3. Ngân hàng nơi doanh nghiệp ký quỹ xác nhận bằng văn bản việc ký quỹ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp theo mẫu M-14 ban hành kèm theo Nghị định này và có trách nhiệm phối hợp với cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trong việc xác nhận các nội dung liên quan đến văn bản xác nhận ký quỹ.

Trường hợp có thay đổi thông tin trên văn bản xác nhận ký quỹ, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh văn bản xác nhận ký quỹ với ngân hàng. Ngân hàng nơi doanh nghiệp ký quỹ có trách nhiệm cung cấp văn bản xác nhận ký quỹ đã điều chỉnh cho cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

4. Tài khoản tiền ký quỹ được ngân hàng phong tỏa trong suốt thời gian hoạt động của doanh nghiệp và chỉ được rút, sử dụng khi có văn bản đồng ý của Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 52 Nghị định này.

5. Trường hợp ngân hàng nơi doanh nghiệp ký quỹ cho rút hoặc sử dụng khoản tiền ký quỹ của doanh nghiệp khi chưa có văn bản đồng ý của Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp thì ngân hàng đó phải chịu trách nhiệm về tiền ký quỹ và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp được hưởng lãi suất trên khoản tiền ký quỹ theo thỏa thuận với ngân hàng.

**Điều 52. Rút tiền ký quỹ**

1. Trong trường hợp Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp cho doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể xuất trình văn bản từ chối của Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp cho ngân hàng nơi doanh nghiệp ký quỹ để thực hiện các thủ tục rút tiền ký quỹ.

2. Sau khi chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định này và đã hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp, doanh nghiệp bán hàng đa cấp được quyền thực hiện các thủ tục để rút tiền ký quỹ.

**Điều 53. Hồ sơ, trình tự, thủ tục rút tiền ký quỹ**

1. Sau thời hạn 90 ngày kể từ ngày Bộ Công Thương ban hành văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp, doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ trực tiếp tại Bộ Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

2. Hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ bao gồm:

a) Đơn đề nghị rút tiền ký quỹ theo mẫu M-15 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp đến thời điểm chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp (tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, địa chỉ, điện thoại, số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, ngày ký hợp đồng, số Thẻ thành viên).

3. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Công Thương ban hành thông báo.

Trường hợp hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công Thương thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương về việc chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp và đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp.

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ Công Thương đăng tải thông tin nêu trên, người tham gia bán hàng đa cấp có quyền thông báo đến Bộ Công Thương về việc doanh nghiệp bán hàng đa cấp chưa hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại Điều 23 Nghị định này.

Trường hợp không có thông báo nào của người tham gia bán hàng đa cấp gửi tới Bộ Công Thương trong thời hạn nêu trên, doanh nghiệp bán hàng đa cấp được coi là đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại Điều 23 Nghị định này và Bộ Công Thương ban hành văn bản chấp thuận giải tỏa ký quỹ cho doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

**Điều 54. Sử dụng khoản tiền ký quỹ**

1. Khoản tiền ký quỹ được sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp bán hàng đa cấp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định này nhưng không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp và có quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền về việc xử lý các tranh chấp giữa doanh nghiệp bán hàng đa cấp với người tham gia bán hàng đa cấp liên quan đến các nghĩa vụ đó;

b) Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp nhưng không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực.

2. Trình tự, thủ tục sử dụng tiền ký quỹ đối với trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này:

a) Người tham gia bán hàng đa cấp nộp trực tiếp tại Bộ Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện văn bản đề nghị sử dụng tiền ký quỹ và bản sao được chứng thực các bản án, quyết định nêu tại điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các văn bản nêu tại điểm a khoản này, Bộ Công Thương có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của các văn bản đó.

Trường hợp các văn bản nêu tại điểm a khoản này không đảm bảo tính hợp lệ, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản yêu cầu người có đề nghị sửa đổi, bổ sung. Thời hạn sửa đổi, bổ sung không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Công Thương ban hành thông báo.

c) Trường hợp các văn bản nêu tại điểm a khoản này đã đảm bảo tính hợp lệ, Bộ Công Thương ban hành văn bản yêu cầu ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ký quỹ trích khoản tiền ký quỹ để thực hiện yêu cầu của người tham gia bán hàng đa cấp.

3. Trình tự, thủ tục sử dụng tiền ký quỹ đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này:

Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp nhưng không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực, cơ quan ban hành quyết định xử phạt đó gửi văn bản đề nghị Bộ Công Thương ban hành văn bản yêu cầu ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ký quỹ trích khoản tiền ký quỹ để thực hiện quyết định xử phạt.

**Điều 55. Xử lý khoản tiền đã ký quỹ theo quy định tại Nghị định số 42/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp**

1. Doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp được phép rút khoản tiền đã ký quỹ trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp và không được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo Nghị định này;

b) Doanh nghiệp được Bộ Công Thương cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục rút tiền ký quỹ trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục rút tiền ký quỹ trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

a) Sau khi được Bộ Công Thương cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ đề nghị rút khoản tiền ký quỹ trực tiếp tới Bộ Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện;

b) Hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ bao gồm:

- Đơn đề nghị rút tiền ký quỹ theo mẫu M-15 ban hành kèm theo Nghị định này;

- Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp đã được Bộ Công Thương cấp;

- Bản sao được chứng thực giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp được Cục Quản lý cạnh tranh cấp theo Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2014 về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

c) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Công Thương ban hành thông báo.

Bộ Công Thương ban hành văn bản chấp thuận giải tỏa ký quỹ cho doanh nghiệp bán hàng đa cấp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

**Chương VI**

**GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP**

**Điều 56. Trách nhiệm của Bộ Công Thương**

1. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp trong phạm vi cả nước.

2. Cục Quản lý cạnh tranh thuộc Bộ Công Thương có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương trong các nội dung quản lý cụ thể sau đây:

a) Cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;

b) Thu, quản lý và sử dụng phí cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật;

c) Thông báo việc cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tới các Sở Công Thương nơi doanh nghiệp tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp;

d) Lưu trữ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp và công bố công khai trên trang thông tin điện tử bản điện tử của hồ sơ này, đảm bảo các tổ chức, cá nhân có thể truy cập được;

đ) Hướng dẫn, phối hợp với các Sở Công Thương và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác tiến hành kiểm tra, giám sát hoạt động bán hàng đa cấp;

e) Kiểm tra hoạt động bán hàng đa cấp khi cần thiết, xử lý theo thẩm quyền hoặc thông báo, chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

g) Xây dựng và trình các cấp có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

h) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 57. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Quản lý Nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo các cơ quan liên quan tại địa phương trong công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn;

c) Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan tại địa phương trong công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong các hoạt động sau:

a) Thanh tra, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương;

b) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật;

c) Báo cáo theo định kỳ hàng năm với Bộ Công Thương về công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn;

d) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này.

3. Các cơ quan chức năng khác tại địa phương có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao.

**Điều 58. Xử lý vi phạm đối với doanh nghiệp bán hàng đa cấp, người tham gia bán hàng đa cấp**

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp, người tham gia bán hàng đa cấp thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Trường hợp doanh nghiệp bán hàng đa cấp, người tham gia bán hàng đa cấp vi phạm quy định của Nghị định này gây thiệt hại đến lợi ích vật chất của tổ chức, cá nhân liên quan thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

3. Kết quả xử lý vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp phải được công bố công khai.

**Điều 59. Thẩm quyền, thủ tục xử lý vi phạm bán hàng đa cấp**

Thẩm quyền, thủ tục xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm quy định trong Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

**Chương VII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 60. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2017.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 42/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp đã được cấp theo quy định tại Nghị định 42/2014/NĐ-CP về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp có hiệu lực cho tới khi doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Nghị định này nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

4. Bộ Công Thương không cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp đối với các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp đã từng bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực;

b) Doanh nghiệp có thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, chủ sở hữu đối với doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có từ hai thành viên trở lên, cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần, người đại diện theo pháp luật là những cá nhân đã từng giữ một trong các chức vụ nêu trên tại doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực.

5. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục rút và sử dụng tiền ký quỹ của các doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã được cấp theo quy định tại Nghị định số 42/2014/NĐ-CP thực hiện theo quy định của Nghị định này.

**Điều 61. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |

**PHỤ LỤC**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp)*

**Mẫu M-01:** Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

**Mẫu M-02:** Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

**Mẫu M-03:** Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

**Mẫu M-04:** Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

**Mẫu M-05:** Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp

**Mẫu M-06:** Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

**Mẫu M-07:** Xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

**Mẫu M-08:** Thông báo sửa đổi, bổ sung đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

**Mẫu M-09:** Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

**Mẫu M-10:** Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp

**Mẫu M-11:** Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo kiến thức về bán hàng đa cấp

**Mẫu M-12:** Báo cáo Bộ Công Thương

**Mẫu M-13:** Báo cáo Sở Công Thương

**Mẫu M-14:** Xác nhận ký quỹ

**Mẫu M-15:** Đơn đề nghị rút tiền ký quỹ

**Mẫu M-01**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP** Số: ..... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***......, ngày ....... tháng ....... năm.......* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP**

Kính gửi:Cục Quản lý cạnh tranh – Bộ Công Thương

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:......../............./.. Lần thay đổi gần nhất:......./........./

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa)

Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:

Do:............................................................................Cấp ngày:........./........./

Chức vụ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Đề nghị Cục Quản lý cạnh tranh cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp cho doanh nghiệp trên cơ sở bộ hồ sơ kèm theo.

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của bộ hồ sơ kèm theo./.

 **Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

 (Ký tên và đóng dấu)

**Mẫu M-02**

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP**

*Mặt 1:*

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG**CỤC QUẢN LÝ CẠNH TRANH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP**

Số:...........................

Cấp lần đầu ngày ........ tháng ........ năm ……...

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:...............................................................

Cấp lần đầu ngày:......../............./.. Lần thay đổi gần nhất:......./........./

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bán hàng đa cấp:

Họ tên (ghi bằng chữ in hoa):

Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:

Do: Cấp ngày:......../............/

Chức vụ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc nơi đăng ký lưu trú):

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp có hiệu lực tới ngày…. tháng …. năm….

|  |  |
| --- | --- |
|  | LÃNH ĐẠO CỤC(Ký tên và đóng dấu) |

*Mặt 2:*

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lần sửa đổi, bổ sung** | **Ngày cấp**  | **Nội dung**  | **Xác nhận của** **Cục QLCT** |
|  |  |  |  |

**Mẫu M-03**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP** Số: ..... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 *......, ngày ....... tháng ....... năm.......*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP**

Kính gửi:Cục Quản lý cạnh tranh – Bộ Công Thương

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:......../............./.. Lần thay đổi gần nhất:......./........./

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa)

Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:

Do: Cấp ngày:........./........./

Chức vụ:

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do: Cấp lần đầu ngày:........../............/

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

**Đăng ký sửa đổi, bổ sung
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp như sau:**

**I. Nội dung sửa đổi, bổ sung**

**II. Lý do sửa đổi, bổ sung**

**III. Văn bản, tài liệu kèm theo**

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

 **Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

 (Ký tên và đóng dấu)

**Mẫu M-04**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP** Số: ..... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 *......, ngày ....... tháng ....... năm.......*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP**

Kính gửi: Cục Quản lý cạnh tranh – Bộ Công Thương

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:......../............./.. Lần thay đổi gần nhất:......./........./

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa)

Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:

Do: Cấp ngày:........./........./

Chức vụ:

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do: Cấp lần đầu ngày:........../............/

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

Đề nghị Cục Quản lý cạnh tranh gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp cho doanh nghiệp trên cơ sở bộ hồ sơ kèm theo.

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

 **Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

 (Ký tên và đóng dấu)

**Mẫu M-05**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP** Số: ..... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 *......, ngày ....... tháng ....... năm.......*

## **THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP**

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:......../............./.. Lần thay đổi gần nhất:......./........./

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa)

Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:

Do: Cấp ngày:........./........./

Chức vụ:

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do: Cấp lần đầu ngày:........../............/

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

**Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp như sau:**

1. Lý do chấm dứt hoạt động:

2. Thời gian bắt đầu chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

3. Thông tin liên hệ tại trụ sở chính:

Người liên hệ:

Chức vụ:

Điện thoại: Fax:

Email:

4. Thông tin liên hệ tại các địa phương nơi doanh nghiệp có hoạt động bán hàng đa cấp:

Người liên hệ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email:

5. Tài liệu kèm theo:

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

 **Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

 *(Ký tên và đóng dấu)*

**Mẫu M-06**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP** Số: ..... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 *......, ngày ....... tháng ....... năm.......*

## **ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:......../............./.. Lần thay đổi gần nhất:......./........./

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa)

Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:

Do: Cấp ngày:........./........./

Chức vụ:

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do: Cấp lần đầu ngày:........../............/

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

**Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh/thành phố…………. như sau:**

1. Thời gian dự kiến bắt đầu hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:

2. Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, các địa điểm kinh doanh nếu có):

Tên doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Người đứng đầu:

Điện thoại liên hệ của người đứng đầu: Email:

3. Người đại diện tại địa phương (trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương):

Họ tên:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:

Do: Cấp ngày:........./........./

Điện thoại: Fax: Email:

Địa chỉ liên lạc:

Văn bản ủy quyền số: ngày

4. Văn bản, tài liệu kèm theo:

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

 **Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

 *(Ký tên và đóng dấu)*

**Mẫu M-07**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH….**SỞ CÔNG THƯƠNG...** Số: ..... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***......, ngày ...... tháng ...... năm......* |

## **XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP**

## **TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

**Sở Công Thương tỉnh/thành phố…..……. xác nhận**

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:......../............./.. Lần thay đổi gần nhất:......./........./

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa)

Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:

Do: Cấp ngày:........./........./

Chức vụ:

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do: Cấp lần đầu ngày:........../............/

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

**đã đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại tỉnh/thành phố ………..**

**với nội dung như sau:**

1. Thời gian bắt đầu hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:

2. Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, các địa điểm kinh doanh nếu có):

Tên doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Người đứng đầu:

Điện thoại liên hệ của người đứng đầu: Email:

3. Người đại diện tại địa phương (trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương):

Họ tên:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:

Do: Cấp ngày:........./........./

Điện thoại: Fax: Email:

Địa chỉ liên lạc:

Văn bản ủy quyền số: ngày

Khi có bất kỳ thay đổi nào về một hoặc một số nội dung đã đăng ký nêu trên, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo tới Sở Công Thương .................................... theo quy định của pháp luật.

 **Đại diện Sở Công Thương**

 *(Ký tên và đóng dấu)*

**Mẫu M-08**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP** Số: ..... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 *......, ngày ....... tháng ....... năm.......*

## **THÔNG BÁO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kính gửi: ……………………………..

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:......../............./.. Lần thay đổi gần nhất:......./........./

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa)

Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:

Do: Cấp ngày:........./........./

Chức vụ:

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do: Cấp lần đầu ngày:........../............/

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

**Thông báo sửa đổi, bổ sung đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh/thành phố…………. như sau:**

**I. Nội dung sửa đổi, bổ sung**

**II. Văn bản, tài liệu kèm theo**

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

 **Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

 *(Ký tên và đóng dấu)*

**Mẫu M-09**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP** Số: ..... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 *......, ngày ....... tháng ....... năm.......*

## **THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP**

## **TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:......../............./.. Lần thay đổi gần nhất:......./........./

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa)

Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:

Do: Cấp ngày:........./........./

Chức vụ:

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do: Cấp lần đầu ngày:........../............/

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

**Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại tỉnh/thành phố…………. như sau:**

1. Lý do chấm dứt hoạt động:

2. Thời gian bắt đầu chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:

3. Thông tin liên hệ tại trụ sở chính:

Người liên hệ:

Chức vụ:

Điện thoại: Fax:

Email:

4. Thông tin liên hệ tại địa phương:

Người liên hệ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email:

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

 **Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

 *(Ký tên và đóng dấu)*

**Mẫu M-10**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP** Số: ..... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 *......, ngày ....... tháng ....... năm.......*

## **THÔNG BÁO TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO, ĐÀO TẠO**

## **VỀ BÁN HÀNG ĐA CẤP**

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:......../............./.. Lần thay đổi gần nhất:......./........./

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa)

Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:

Do: Cấp ngày:........./........./

Chức vụ:

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do: Cấp lần đầu ngày:........../............/

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

**Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo tại tỉnh/thành phố................................... như sau[[1]](#footnote-2):**

1. Tên hội nghị, hội thảo, đào tạo:

2. Thời gian tổ chức:

3. Địa điểm tổ chức:

4. Nội dung:

5. Số lượng người tham gia dự kiến:

6. Văn bản, tài liệu kèm theo:

7. Người liên hệ:…………………………… Điện thoại:

 Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

 **Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

 *(Ký tên và đóng dấu)*

**Mẫu M-11**

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh3 x 4Đóng dấu giáp lai**CƠ SỞ ĐÀO TẠO**................................ Số:........................ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**CHỨNG NHẬNHOÀN THÀNH KHÓA ĐÀO TẠO KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ BÁN HÀNG ĐA CẤPHọ và tên:............................................................Ngày sinh:............................................................CMTND/Hộ chiếu số:.........................................Cấp ngày:.........................tại...............................Hộ khẩu thường trú:............................................Đã hoàn thành khóa đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp tổ chức từ ngày ……. đến ngày …….*............, ngày......tháng.......năm......**(ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu M-12**

**Báo cáo Bộ Công ThươngMẫu M-13**

**Báo cáo Sở Công ThươngMẫu M-14**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN NGÂN HÀNG**Số: ..... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 *......, ngày ...... tháng ...... năm......*

**XÁC NHẬN KÝ QUỸ**

 Kính gửi: **- CỤC QUẢN LÝ CẠNH TRANH - BỘ CÔNG THƯƠNG**

 **- CÔNG TY ……….**

Ngân hàng…………. xác nhận số tiền ký quỹ theo công văn số … ngày …của Công ty …………………với các nội dung như sau:

1. Thông tin về Ngân hàng nơi Công ty ………………….. mở tài khoản:
* Tên ngân hàng:
* Địa chỉ:
* Điện thoại liên hệ: fax:
1. Thông tin về doanh nghiệp ký quỹ:
* Tên doanh nghiệp:
* Địa chỉ:
* GCN Đăng ký kinh doanh/GCN đầu tư số
do ……………cấp lần đầu ngày ……, cấp lần thứ ….. ngày
* Người đại diện theo pháp luật: ………………… – Chức vụ:
1. Nội dung ký quỹ
* Số tiền ký quỹ:
* Số tài khoản ký quỹ:
* Thời điểm bắt đầu ký quỹ: kể từ ngày

Tài khoản ký quỹ nêu trên được ngân hàng ……. phong tỏa trong suốt thời gian cam kết kể từ ngày ………….

Ngân hàng ….. chịu trách nhiệm quản lý tài khoản ký quỹ nêu trên theo quy định của Nghị định số …. ngày…. của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

 **NGÂN HÀNG ……..……**

*(Đại diện ngân hàng ký và đóng dấu)*

**Mẫu M-15**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP** Số: ..... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 *......, ngày ....... tháng ....... năm.......*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ RÚT TIỀN KÝ QUỸ**

***Kính gửi:***

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:......../............./.. Lần thay đổi gần nhất:......./........./

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa)

Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:

Do: Cấp ngày:........./........./

Chức vụ:

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do: Cấp lần đầu ngày:........../............/

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

**Đề nghị giải tỏa số tiền ký quỹ của Công ty tại ngân hàng... theo xác nhận ký quỹ số….. ngày……..**

1. Lý do

2. Văn bản, tài liệu kèm theo:

Người liên hệ:…………………………… Điện thoại:

 Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

 **Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

 *(Ký tên và đóng dấu)*

1. *Doanh nghiệp có thể thông báo về việc tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, đào tạo trong cùng một văn bản thông báo* [↑](#footnote-ref-2)